*Ngày soạn:..................*

*Ngày dạy:...................*

**Tiết 38+39 : KIỂM TRA HỌC KỲ 1**

**I. Mục tiêu:**

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

Kiểm tra việc lĩnh hội kiến thức của học sinh trong học kì 1

1. ***Kỹ năng***

Rèn kỹ năng tổng hợp, suy luận, vận dụng các kiến thức đã học vào giải toán và chứng minh hình .

Rèn tính tự giác, độc lập, thái độ nghiêm túc, tính kỷ luật .

Rèn óc tư duy sáng tạo , cách vận dụng kiến thức linh hoạt.

1. ***Thái độ***

Nghiêm túc và hứng thú học tập.

Yêu thích môn học.

***4. Định hướng năng lực, phẩm chất***

- Năng lực tính toán

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị:**

- Gv : Thước thẳng, bảng phụ, phấn mầu.

- Hs : Thước thẳng, ôn tập kiến thức.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1.Ổn định** (1 phút)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Tổng |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| Căn thức |  |  | 2  0,5 |  | 2  0,5 | 2  2,5 | 6  3,5 |
| Hàm số  y = ax + b |  |  | 1  0,25 | 1  0,5 |  | 1  1 | 3  1,75 |
| Hệ phương  trình |  |  |  |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |
| HTL trong tam giác vuông ,tỉ số lg giác. | 1  0,25 |  | 2  0,5 |  | 1  0,75 |  | 4  1,5 |
| Đường tròn | 2  0,5 |  | 1  0,25 |  |  | 1  2,25 | 4  3 |
| Tổng | 3  0,75 | | 7  2 | | 8  7,25 | | 17  10,0 |

**2. Phát đề**

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3Đ)**

(Khoanh tròn vào khẳng định đúng trong các câu sau)

**Câu 1:**  có nghĩa khi:

A. x  - 2; B. x 2 ; C. x > -2 ; D. x <2.

**Câu 2:** Kết quả của phép khai căn  là:

A. 4 -  B. -4 -  C. - 4 D.  + 4.

**Câu 3**: Rút gọn các biểu thức  được



A. 4 B. 26 C. -26 D. -4

**Câu 4:** **-**  =15 khi đó x bằng:

A. 3 B. 9 C. -9 D. Không có giá trị nào của x

**Câu 5:** Cho hai đường thẳng: y = ax + 2 và y = 3x + 5 song song với nhau khi:

A. a = 3 ; B. a3 ; C. a-3 ; D. a = -3

**Câu 6:** Hệ phương trình:  Có nghiệm là:

A. (3; -1) B. (3; 1) C. (1; 3) D. Kết quả khác

**Câu 7:** Tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác là giao điểm của các đường :

A. Trung tuyến B. Phân giác C. Đường cao D. Trung trực

**Câu 8**: Cho tam giác ABC vuông tại A. Khẳng định nào sau đây là **sai:**

A. sin B= cos C B. sin C= cos B C. tan B = cot A D. cot B = tan C

**Câu 9:** Cho DEF có = 900, đường cao DH thì DH2 bằng

A. FH.EF B. HE.HF C. EH. EF D. DF.EF

**Câu10:** Tam giác ABC có =900 , BC = 18cm và = 600 thì AC bằng:

A. 9cm B. 18cm C. 9cm D. 6 cm

**Câu 11:** Cho đường tròn (O) có bán kính R = 10 cm. Một dây cung AB = 16 cm của (O) . Khoảng cách từ tâm O đến dây AB là :

A. 6cm B.12cm C. cm D. Một đáp số khác

**Câu 12:** Cho đường tròn (O; 3cm) và đường tròn (O’; 5cm), biết OO’ = 4cm

A. (O) cắt (O’) B. (O) tiếp xúc (O’)

C. (O) và (O’) không giao nhau D. (O) và (O’) đựng nhau

**PHẦN II. TỰ LUẬN (7Đ)**

**Câu 1:**(2 điểm)

Cho biểu thức : A = 

a) Rút gọn biểu thức A

b) Tìm giá trị của x để A = 4

**Câu 2:**(1,5 điểm)

Cho hàm số bậc nhất: y = (m+1)x - 2m (1)

a. Tìm m để hàm số trên là hàm số bậc nhất.

b. Tìm m để đồ thị hàm số (1) song song với đồ thị hàm số y = 3x +6.

c. Chứng minh rằng đồ thị hàm số (1) luôn đi qua 1 điểm cố định với mọi m.

**Câu 3:** (3 điểm)

Cho tam giác ABC vuông tại A có AH là đường cao. Đường tròn tâm E đường kính BH cắt cạnh AB ở M và đường tròn tâm I đường kính CH cắt cạnh AC ở N.

a) Chứng minh tứ giác AMHN là hình chữ nhật.

b) Cho biết: AB = 6cm, AC = 8cm. Tính độ dài đoạn thẳng MN.

c) Chứng minh rằng MN là tiếp tuyến chung của hai đường tròn (E) và (I).

**Câu 4:** (0,5 điểm). Chứng minh:

****

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM TOÁN 9**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3Đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | B | A | D | B | A | B | D | C | B | C | A | A |
| Điểm | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |

**PHẦN II. TỰ LUẬN (7Đ)**

**Câu 1** a) (1,5đ)

ĐKXĐ: x > 0,  (0,25 điểm)

A = 

 (0,5 điểm)

 (0,25 điểm)



Vậy biểu thức A =  (0,5 điểm)

b) (0,5đ)

Với x > 0 và x ≠ 1, ta có:

A = 4  = 4 (0,25 điểm)

 ( Không thỏa mãn ĐK)

Vậy không có giá trị nào của x để A = 4 (0,25 điểm)

**Câu 2: (1,5 điểm)**

a. (0,5điểm) Để hàm số trên là hàm số bậc nhất thì: m + 1  0  m  -1

b. (0,5điểm) Để đồ thị hàm số (1) song song với đồ thị hàm số y = 3x+6 thì:

 m= 2. Vậy m = 2 thì đồ thị hàm số (1) song song với đồ thị hàm số y= 3x+6.

c.(0,5điểm) Gọi M() là điểm cố định mà đồ thị (1) luôn đi qua. Khi đó, phương trình:

y = (m+1)x - 2m luôn có nghiệm với mọi m

 phương trình: mx-2m + x- y= 0 luôn có nghiệm với mọi m

 phương trình: m(x-2) + (x- y) = 0 luôn có nghiệm với mọi m

  .

Vậy đồ thị hàm số (1) luôn đi qua điểm M(2;2) cố định.

**Câu 3 : (3 điểm)**



I

E

N

M

H

C

B

A

2

1

2

1

Vẽ hình ghi GT và KL đúng (0,5điểm)

a) (1 điểm) - Lập luận và chỉ ra được:  (0,25 điểm)

 (0,25 điểm)

 (0,25 điểm)

- Kết luận tứ giác AMHN là hình chữ nhật (0,25 điểm)

b) (0.75 điểm) - Giải thích: MN = AH (0,25 điểm)

- Tính được: BC = = 10 (cm)

- Tính được: AH =  = 4,8 (cm) (0,25 điểm)

- Kết luận: MN = 4,8 (cm) (0,25 điểm)

c) (0,75 điểm)

Tứ giác AMHN là hình chữ nhật, suy ra: = 

Tam giác MEH cân tại E, suy ra: = 

+=  (AH BC) (0,25 điểm)

 += 900   900  EM MN tại M (E)

 MN là tiếp tuyến của đường tròn (E)

- Chứng minh tương tự ta cũng có MN là tiếp tuyến của đường tròn (I) (0,25 điểm)

- Kết luận: MN là tiếp tuyến chung của hai đường tròn (E) và (I). (0,25 điểm)

**Câu 4 (0,5điểm)**

Đặt a = (a >1) 

 (0,25 điểm)

** =** do a + 2 > 3(0,25 điểm)

**Chú ý: Học sinh làm theo cách khác đúng cho điểm đủ )**

***3. Nhắc nhở, thu bài***

- Thu bài kiểm tra

- GV nhận xét thái độ làm bài của hs

***4. Hướng dẫn học sinh học và làm bài tập về nhà :***

Làm bài kiểm tra vào vở bài tập

Ngày soạn: ……………………

Ngày dạy: ………..

**TIẾT 40: TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC**

***1.*** Kiến thức

- Cho học sinh xem bài kiểm tra, tự tìm thấy sai sót trong khi làm bài của mình.

- Thấy được ưu, nhược điểm trong khi làm bài. Học sinh tự rút kinh nghiệm khi làm bài.

2. Kỹ năng

- Cho học sinh xem bài kiểm tra, tự tìm thấy sai sót trong khi làm bài của mình.

- Thấy được ưu, nhược điểm trong khi làm bài. Học sinh tự rút kinh nghiệm khi làm bài.

3. Thái độ : Rèn tính cẩn thận, chính xác trong tính toán, lập luận

II. PHƯƠNG PHÁP - Gợi mở vấn đáp

**III. CHUẨN BỊ**

***1. Giáo viên*** : Bảng phụ, thước

***2. Học sinh*** : các nội dung có liên quan

**IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

***1. Ổn định tổ chức*** (1ph)

***2. Kiểm tra bài cũ***  Không

***3. Bài mới***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TG | HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS VÀ GHI BẢNG |
| 36ph | - Gv: hướng dẫn học sinh chữa bài kiểm tra (*đề bài tiết 39)* | - Hs chữa bài vào vở |
|  | - Chỉ ra những lỗi hs mắc phải sai lầm của từng phần | -hs theo dõi, rút kinh nghiệm |
|  | - nhận xét các bài làm tốt, các bài làm chưa được. Khen ngợi, động viên kịp thời | - HS theo dõi |
|  | - Trả bài và gọi điểm | - Nhận bài và kiểm tra lại các lỗi sai sót |
|  | - Thu bài | - Hs thu bài |
|  |  |  |

***4. Củng cố bài học (6ph)***- Các kiến thức của chương trình

***5. Hướng dẫn học sinh học và làm bài tập về nhà (2ph)***

- Học bài theo hướng dẫn, xem lại các bài tập đã chữa

- Chuẩn bị các nội dung cho HKII

- Chuẩn bị bài: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (tiếp)

**V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**